

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Mô hình trồng, thâm canh hồ tiêu hữu cơ – Mã sản phẩm: TR7916

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/năm	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	03 - 05 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Hệ thống tưới nhỏ giọt			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án TCCS; Tưới nước kết hợp với phân bón

C. Định mức giống, vật tư
ha

Định mức cho 1

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Năm thứ nhất (trồng mới trên trụ sống)			
1.1	Cây giống			
	Cây giống trồng mới	hom	3.200	Đảm bảo TCCS
	Cây giống trồng dặm 10%	hom	320	
	Cây trụ sống	cây	1.680	
	Cây gỗ trụ tạm	trụ	1.600	
1.2	Vật tư			
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	1.600-3.200	
	Phân lân nung chảy	kg	1.000	
	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	Vôi bột	kg	500	
	Thuốc BVTV sinh học	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
2	Chăm sóc năm thứ 2			
2.1	<i>Cây trồng dặm</i>	<i>hom</i>	320	
2.2	<i>Vật tư</i>			
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	3.200-4.800	
	Phân lân nung chảy	kg	500	
	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	Vôi bột	kg	500	
	Thuốc BVTV sinh học	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		
3	Chăm sóc năm thứ 3			
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	3.200-4.800	
	Phân lân nung chảy	kg	500	
	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	Vôi bột	kg	500	
	Thuốc BVTV sinh học	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		
4	Chăm sóc từ năm thứ 4 trở đi (Hỗ tiêu thời kỳ kinh doanh)			
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	6.400-8.000	
	Phân lân nung chảy	kg	1.000	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	5-10	
	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	Vôi bột	kg	500-1.000	
	Thuốc BVTV sinh học	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần		
	Thời gian	ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	HN		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	HN		01 - 02 ngày/hội nghị

2. Mô hình trồng, thâm canh cà phê với ứng dụng công nghệ cao – Mã sản phẩm: TR7917

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/năm	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	03 - 05 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

Tính cho 01 điểm (10-15ha)

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Hệ thống tưới tiết kiệm	Hệ thống	05 - 10	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án, Tưới nước kết hợp với phân bón
2	Cảm biến độ ẩm đất không dây	Cái	10	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
3	Thiết bị thu nhận tín hiệu tập trung	Bộ	01	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Bộ bút đo PH, EC	Cái	01	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
5	Phần mềm quản lý dữ liệu trực tiếp	Phần mềm	01	Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Trồng mới năm thứ nhất			
	Giống trồng mới	cây	1.110	Đảm bảo QCVN
	Giống trồng dặm	cây	55	
	Cây che bóng	cây	60	
	Phân đạm nguyên chất	kg	60	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng và có khả năng hoà tan trong nước.
	Phân lân nguyên chất	kg	60	
	Phân Kali nguyên chất	kg	30	
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	4.000	
	Vôi bột	kg	1000	
	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
2	Chăm sóc năm thứ hai			
	Phân đạm nguyên chất	kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng và có khả năng hoà tan trong nước.
	Phân lân nguyên chất	kg	75	
	Phân Kali nguyên chất	kg	100	
	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		
3	Chăm sóc năm thứ 3			
	Phân đạm nguyên chất	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng và có khả năng hoà tan trong nước.
	Phân lân nguyên chất	kg	90	
	Phân Kali nguyên chất	kg	130	
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	3.000	
	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		
4	Chăm sóc từ năm thứ 4 trở đi (Cà phê thời kỳ kinh doanh)			
	Phân đạm nguyên chất	kg	280	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng và có khả năng hoà tan trong nước.
	Phân lân nguyên chất	kg	100	
	Phân Kali nguyên chất	kg	300	
	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	3.000	
	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.
	Số lần	Lần		
	Thời gian	ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

3. Mô hình trồng, thâm canh cây mận - Mã sản phẩm: TR6827

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	05 ha/vụ/người

B. Định mức, máy móc thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (Năm thứ nhất, năm thứ 2; năm thứ 3)	1	Giống trồng mới	Cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Hỗ trợ năm thứ nhất.
	2	Giống trồng dặm	Cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất	Kg	120	TCCS	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng. - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước
	4	Phân lân nguyên chất	Kg	200		
	5	Phân kali nguyên chất	Kg	80		
	6	Vôi bột	kg	400		
	7	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.800		
	8	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Thời kỳ kinh doanh (năm	1	Phân đạm nguyên chất	Kg	200	TCCS	
	2	Phân lân nguyên chất	Kg	120		
	3	Phân kali nguyên chất	Kg	200		

thứ 4 trở đi)	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	5	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người dân hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	1-2	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

4. Mô hình sản xuất cây Húng quế - Mã sản phẩm: TR4509

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 03 ha/vụ/người

B. Định mức, máy móc thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Hạt giống	Kg	0,8	
2	Phân hữu cơ vi sinh/hữu cơ sinh học	Kg	4.000 - 5.000	
3	Phân đạm Urê	Kg	100	
4	Phân Supe Lân	Kg	700	
5	Phân bón Kali clorua	Kg	110	
6	Vôi bột	Kg	800	
7	Thuốc BVTV			Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.
	Số lần	Lần	1-2	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

5. Mô hình sản xuất cây Mùì ta – Mã sản phẩm: TR4510

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 03 ha/vụ/người

B. Định mức, máy móc thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Giống hạt trồng	Kg	12	
2	Phân hữu cơ vi sinh/hữu cơ sinh học	Kg	2.000	
3	Phân đạm nguyên chất	Kg	40	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng
4	Phân lân nguyên chất	Kg	290	
5	Phân kali nguyên chất	Kg	70	
6	Vôi bột	kg	250	
7	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	1-2	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

6. Mô hình sản xuất giống hoa Loa kèn - Mã sản phẩm: TR5708

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 ha/vụ/người

B. Định mức, máy móc thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho

1ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống hoa loa kèn	củ	175.000	Chu vi > 10cm, đã xử lý nảy mầm, không có sâu bệnh hại nguy hiểm	
2	Đạm nguyên chất	kg	230		Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi đạm, lân, kali nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất	kg	250		
4	Kali nguyên chất	kg	600		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	2500		
6	Phân bón lá	1.000đ	6000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	5000		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	01 - 02	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

7. Mô hình trồng, thâm canh thanh long kiểu giàn chữ T - Mã sản phẩm: TR6806
(điều chỉnh)

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	05 ha/vụ/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị chiếu sáng			Phù hợp quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống tưới				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (Năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	hom	5.555		Hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Trụ xi măng	Trụ	1.200		
	3	Cọc gỗ làm cây đỡ cho cây bám phát triển leo lên giàn	Cọc	5.555		
	3	Thanh sắt mạ kẽm	m	1.700	Ống sắt tròn đường kính 27mm; dày 2,1mm	
	4	Dây thép mạ kẽm	m	7.000	loại 3 mm, loại 4 mm	
	5	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	220	TCCS	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O nguyên chất tương ứng
	6	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	300		
	7	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150		
	8	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	9	Vôi bột	kg	550		
	10	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

Thời kỳ		Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ 2	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	440	TCCS	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	440		
	3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	6.000		
	5	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 3 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	660	TCCS	
	2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	660		
	3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	450		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	9.000		
	5	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người dân hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	01 - 02	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị